

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	9.005,000	13.303,800	147,74	+ 65,20
1	Số thu phí, lệ phí	9.005,000	13.303,800		
1.1	Lệ phí	3.699,000	4.053,120		
	Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe	3.645,000	4.041,630	110,88	+ 56,81
	Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa	14,000	5,890	42,07	+ 2,79
	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)	18,800	5,600	29,79	+ 16,49
	Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo	21,200			- 1,97
	Lệ phí cấp GCN thẩm định thiết kế xe cơ giới		1,100		
1.2	Phí	5.306,000	9.250,680		
	Phí sát hạch lái xe mô tô trung tâm sát hạch loại III	900,000	1.343,130	149,24	+ 72,66
	Phí sát hạch ô tô	4.362,000	7.859,310	180,18	+ 23,52
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	36,000	28,140	78,17	+ 78,17
	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	8,000	20,100	251,25	- 92,50
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.121,600	6.334,883		
2.1	Chi sự nghiệp	5.121,600	6.334,883		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.121,600	6.334,883	123,69	+ 7,05
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3.883,400	4.326,570		
3.1	Lệ phí	3.699,000	4.053,120		
	Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe	3.645,000	4.041,630	110,88	+ 56,81
	Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa	14,000	5,890	42,07	+ 2,79
	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)	18,800	5,600	29,79	+ 16,49
	Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo	21,200		-	- 1,97
	Lệ phí cấp GCN thẩm định thiết kế xe cơ giới				
3.2	Phí	184,400	273,450		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Phí sát hạch lái xe mô tô trung tâm sát hạch loại III	180,000	268,626	149,24	+ 72,66
	Phí sát hạch ô tô	-			
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	3,600	2,814	78,17	+ 78,17
	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	0,800	2,010	251,25	+ 70,33
4	Nguồn thu được trích để lại theo chế độ	5.121,600	8.977,230		
	Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo				
	Phí sát hạch lái xe mô tô trung tâm sát hạch loại III	720,000	1.074,504	149,24	+ 72,66
	Phí sát hạch ô tô	4.362,000	7.859,310	180,18	+ 23,52
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	32,400	25,326	78,17	+ 78,17
	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	7,200	18,090	251,25	- 92,50
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	42.897,514	27.986,924		
1	Chi quản lý hành chính	6.383,514	4.363,423		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.973,514	2.837,886	71,42	+ 2,06
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.410,000	1.525,537	63,30	+ 0,41
1,3	Kinh phí thực hiện CCTL				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi hoạt động kinh tế	36.514,000	23.623,501		
	Sự nghiệp giao thông	36.514,000	23.623,501	64,70	+ 5,14

Hậu Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị 



Nguyễn Hữu Trí